TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-ST

Ngày: 10 - 5 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Triệu Khánh Long

Ông Thái Trung Nghĩa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A. Địa chỉ: phường B, quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Ngọc T - Phó Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh thị xã VC; địa chỉ: khóm A, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm 1977. Địa chỉ: xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Văn D, sinh năm 1966. Địa chỉ: xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2022 (BL01-03) của nguyên đơn Ngân hàng A cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/11/2018, Ngân hàng A - Chi nhánh thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng (Agribank - Chi nhánh thị xã VC) với bà Huỳnh Thị Hồng H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201801096. Theo Hợp đồng, Agribank - Chi nhánh thị xã VC cho bà H vay

số tiền 200.000.000 đồng; Mục đích vay: Nuôi tôm; lãi suất 10.5%/năm; thanh toán trả lãi hàng quý, trả nợ gốc theo phân kỳ trả nợ; thời hạn vay là 36 tháng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, bà Huỳnh Thị Hồng H đã tự nguyện giao cho Ngân hàng A chi nhánh thị xã Vc giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không ký kết hợp đồng thế chấp tài sản) như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 203381, có diện tích 12759m^2 (loại đất: 1L), thửa số 232; tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Xẻo Su, xã Lai Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, do UBND huyện Vĩnh Châu (Nay là UBND thị xã Vĩnh Châu) cấp cho hộ Dương Thị X (đã chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Dương Văn D) theo hồ sơ số 070204.CN.001 ngày 23/08/2017. Tính đến hết ngày 10/5/2023 bà Huỳnh Thị Hồng H còn nợ số tiền: 316.276.712 đồng. Trong đó: Nợ gốc 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 79.397.260 đồng; Nợ lãi quá hạn: 36.879.452 đồng.

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Dương Văn D cùng liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng với số tiền 316.276.712 đồng. Trong đó: Nợ gốc 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 79.397.260 đồng; Nợ lãi quá hạn: 36.879.452 đồng.

*Lời trình bày của bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H tại phiên tòa: B*à H thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng và chưa có thanh toán nợ cho Ngân hàng là đúng như Ngân hàng đã khởi kiện, tuy nhiên do bà H đang gặp khó khăn về kinh tế nên mới chưa thanh toán cho Ngân hàng được, nên yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện để bà H từ từ kiếm tiền trả nợ cho Ngân hàng.

Lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn D tại phiên tòa: Ông D thừa nhận vợ ông là bà Huỳnh Thị Hồng H có vay tiền đúng như Ngân hàng khởi kiện, mục đích vay tiền về để nuôi tôm sú, nhưng do nuôi tôm bị lỗ nên chưa có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, nay yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện để gia đình ông từ từ kiếm tiền trả nợ và ông D đồng ý cùng bà H liên đới trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

ông Dương Văn D cùng liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn với số tiền 316.276.712 đồng. Trong đó: Nợ gốc 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 79.397.260 đồng; Nợ lãi quá hạn: 36.879.452 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201801096 ngày 09/11/2018 kể từ ngày 11/5/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp bà H và ông D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký để thu hồi nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng A có ký Hợp đồng tín dụng 7606-LAV-201801096 ngày 09/11/2018 với bên vay bà Huỳnh Thị Hồng H, mục đích vay để nuôi tôm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H có nghĩa vụ thực hiện trả tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn, Ngân hàng A với bị đơn Huỳnh Thị Hồng H là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A về việc yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/5/2023) với tổng số tiền 316.276.712 đồng. Trong đó: Nợ gốc 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 79.397.260 đồng; Nợ lãi quá hạn: 36.879.452 đồng.

[4.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201801096 ngày 09/11/2018 Hội đồng xét xử thấy: Theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 09/11/2018 và giấy nhận nợ đề ngày 09/11/2018 bà H nhận tiền vay của Ngân hàng là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 10,5%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng nhiều lần đôn đốc bà H thực hiện trả nợ gốc và lãi, nhưng bà H vẫn không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Hợp

đồng tín dụng đã ký kết giữa các đương sự, các đương sự thừa nhận không ai phản đối tình tiết đã giao kết Hợp đồng, cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng tiền vay để nuôi tôm là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng; Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Mặc dù ông D không có ký vào Hợp đồng tín dụng nhưng tại phiên tòa ông D trình bày mục đích vay tiền Ngân hàng về để nuôi tôm kiếm lời nhằm để sinh hoạt chung trong gia đình và ông D cũng đồng ý liên đới trả nợ cùng bà H. Nên căn cứ theo khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A, buộc bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Dương Văn D cùng liên đới thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử (10/5/2023) là 316.276.712 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 11/5/2023 cho đến khi trả hết nợ vay và các nghĩa vụ tương ứng khác.

[4.2] Đối với nợ lãi: Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201801096 ngày 09/11/2018 có lãi suất thỏa thuận 10,5%/năm đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị Ngân hàng xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/5/2023 với số tiền là: 316.276.712 đồng. Trong đó: Nợ gốc 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 79.397.260 đồng; Nợ lãi quá hạn: 36.879.452 đồng và đồng ý cho ông Dương Văn D là chồng của bà H liên đới cùng trả tiền vay còn nợ cho Ngân hàng A là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý kê biên tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ngân hàng đang giữ để thu hồi nợ, thấy rằng khi vay tiền các bên không có ký thế chấp tài sản và đăng ký giao dịch bảo đảm mà khi vay tiền chỉ giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng giữ làm niềm tin, do đó quá trình kê biên tài sản thuộc về giai đoạn yêu cầu thi hành án nên yêu cầu của nguyên đơn về kê biên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở để chấp nhận. Đối với bị đơn khi vay tiền có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng giữ làm tin, nhưng bị đơn cũng không có yêu cầu gì

đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ngân hàng đang giữ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 11/5/2023) bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn D còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201801096. cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Dương Văn D phải liên đới chịu. Do Ngân hàng A đã tạm ứng trước nên bà H và ông D có nghĩa vụ liên đới thanh toán lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D có nghĩa vụ liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11- 01 - 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Dương Văn D liên đới thanh toán cho Ngân hàng A, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/5/2023) bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);

- Nợ lãi trong hạn: 79.397.260 đồng (bảy mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng);

- Nợ lãi quá hạn: 36.879.452 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Tổng cộng: 316.276.712 đồng (ba trăm mười sáu triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 11/5/2023) bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Dương Văn D còn phải liên đới tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7606-LAV-201801096 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Dương Văn D phải liên đới chịu. Ngân hàng A đã tạm ứng trước nên bà H và ông D có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nêu trên lại cho Ngân hàng.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Hồng H và ông Dương Văn D phải liên đới chịu 15.813.836 đồng (mười lăm triệu tám trăm mười ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng). Ngân hàng A không phải chịu án phí sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.304.786 đồng (bảy triệu ba trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006049, ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HSVA.

Dương Chiêu Hùng